

**NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG,  
CÁC YẾU TỐ NGUY CƠ MẸ - CON CỦA TRẺ SƠ SINH NHẹ CÂN TẠI  
BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*Hoàng Khắc Thường\*, Nguyễn Thị Kiều Nhi, Lê Thị Thúy Loan*

*Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*

*\*Email: wasterbabie@gmail.com*

**TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Sơ sinh nhẹ cân so với tuổi thai có tỷ lệ tử vong nhiều hơn trẻ sơ sinh đủ cân.

**Mục tiêu nghiên cứu:** 1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của trẻ sơ sinh nhẹ cân. 2. Xác định yếu tố nguy cơ từ mẹ và con đến cân nặng lúc sinh của trẻ sơ sinh nhẹ cân. **Phương pháp nghiên cứu:** nghiên cứu bệnh chứng trên 117 sơ sinh có cân nặng nhẹ hơn so với tuổi thai và 234 sơ sinh có cân nặng phù hợp tuổi thai.

**Kết quả:** cân nặng trung bình là 1644,4g. Tuổi thai trung bình là 35,4 tuần. Vòng đầu nhỏ chiếm 47,9%, chiều dài ngắn chiếm 38,5%. Bệnh lý nhập viện nhiều nhất là suy hô hấp không do nhiễm trùng chiếm 34,2%. Các yếu tố ảnh hưởng đến cân nặng lúc sinh của trẻ: mẹ bị tiền sản giật (OR=25,00; p<0,001), mẹ có chỉ số khối cơ thể trước mang thai thấp (OR=3,93; p=0,05), mẹ tăng cân thai kỳ thấp (OR=8,04; p<0,001), mẹ tiếp xúc với thuốc lá (OR=6,00; p=0,01), trẻ dị tật bẩm sinh (OR=11,51; p<0,001), trẻ đa thai (OR=11,71; p<0,001), trẻ nhiễm trùng sơ sinh sớm (OR=4,65; p=0,04). **Kết luận:** Trẻ sơ sinh nhẹ cân so với tuổi thai thường có vòng đầu và chiều dài nhỏ. Trẻ nhập viện hàng đầu là do suy hô hấp không nhiễm trùng. Các yếu tố ảnh hưởng làm cân nặng lúc sinh của trẻ thấp: mẹ bị tiền sản giật (OR=25,00; p<0,001), mẹ có chỉ số khối cơ thể thấp (OR=3,93; p=0,05), mẹ tăng cân thai kỳ thấp (OR=8,04; p<0,001), mẹ tiếp xúc với thuốc lá (OR=6,00; p=0,01), trẻ dị tật bẩm sinh (OR=11,51; p<0,001), trẻ đa thai (OR=11,71; p<0,001), trẻ nhiễm trùng sơ sinh sớm (OR=4,65; p=0,04).

**Từ khóa:** Nhẹ cân với tuổi thai, thai chậm phát triển.

**ABSTRACT**

**THE CLINICAL, LABORATORY CHARACTERISTICS,  
RISK FACTORS FROM MOTHER-CHILD OF INFANTS SMALL  
FOR GESTATIONAL AGE  
AT CAN THO GYNECOLOGY AND OBSTETRICS HOSPITAL**

*Hoang Khac Thuong\**, *Nguyen Thi Kieu Nhi*, *Le Thi Thuy Loan*  
*Truong Dai hoc Y Duoc Can Tho*

**Background:** Neonatal small for gestational age has high mortality than neonatal appropriate for gestational age. **Objectives:** 1. To describe the clinical, laboratory characteristics of infants small for gestational age. 2. Determination of risk factors from mother and child to birth weight of neonatal small for gestational age. **Materials and methods:** This case-control study on 117 neonates small for gestational age and 234 neonates appropriate for gestational age. **Results:** Average weight at birth was 1644.4g. Average gestational age was 35.4 weeks. small head circumference accounts for 47.9%, short length accounts for 38.5. The most common illnesses at hospital admission was respiratory failure not due to infection, accounting for 34.2%. Factors affecting birth weight of children: mothers with pre-eclampsia (OR=25.00;  $p<0.001$ ), mothers with low pre-pregnancy body mass index (OR=3.93;  $p=0.05$ ), mothers with low gestational weight gain (OR=8.04;  $p<0.001$ ), mothers exposed to tobacco (OR=6.00;  $p=0.01$ ), children with birth defects (OR=11.51;  $p<0.001$ ). Multiple pregnancy (OR=11.71;  $p<0.001$ ), early neonatal sepsis (OR=4.65;  $p=0.04$ ). **Conclusion:** Infants small for gestational age often had small head circumference and short length. The highest rates of disease was respiratory failure due to infection. Factors affecting birth weight of children: mothers with pre-eclampsia (OR=25.00;  $p<0.001$ ), mothers with low pre-pregnancy body mass index (OR=3.93;  $p=0.05$ ), mothers with low gestational weight gain (OR=8.04;  $p<0.001$ ), mothers exposed to tobacco (OR=6.00;  $p=0.01$ ), children with birth defects (OR=11.51;  $p<0.001$ ), multiple pregnancies (OR=11.71;  $p<0.001$ ), early neonatal sepsis (OR=4.65;  $p=0.04$ ).

**Keywords:** Small for gestational age, intrauterine growth retardation.